

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/02/2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Trần Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A, khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phạm Dũng C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số A, khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2011 tại U, thành phố S. Sau kết hôn, anh chị phát sinh mâu thuẫn bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C ham chơi cờ bạc, gây nợ nần, chị H nhiều lần trả nợ cho anh C, chị H khuyên răn nhiều lần nhưng anh C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện vợ chồng không còn chăm sóc lo lắng cho nhau, tiền bạc sử dụng riêng, không ai lo cho ai. Vào năm 2014 chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn anh C, chị H đã cho anh C cơ hội nhưng đến nay anh C vẫn không thay đổi. Chị H nhận thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nay chị H xác định vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn anh Phạm Dũng C.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quang V, sinh ngày 20/7/2011 hiện con đang sống chung với chị H và anh C, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn anh Phạm Dũng C vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án anh C đã nhận thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/11/2023 cháu Phạm Quang V có ý kiến như sau: Khi cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau thì cháu V muốn sống với mẹ vì cháu V được mẹ đưa đón đi học và thương yêu chăm sóc chu đáo.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H.**

Về nuôi con chung: Giao cháu **Phạm Quang V**, sinh ngày 20/7/2011 (Hiện đang sống chung với chị **H** và anh **C**), cho **H** được tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chị **H** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại **số A, khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

[1.2] Bị đơn là anh **Phạm Dũng C** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **C**.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Phạm Dũng C** chung sống từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2011 tại **U, thành phố S** nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị **H** và anh **C** đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung vợ chồng thường cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mặc dù sống chung nhà nhưng hiện vợ chồng không còn chăm sóc lo lắng, quan tâm lẫn nhau, mỗi người một cuộc sống, tiền bạc sử dụng riêng.

Chị **H** xác định không còn tình cảm với anh **C**, vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh **C** không có hạnh phúc.

Về phía anh **C**: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh **C** đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh **C** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**, đồng thời không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy chứng tỏ bản thân anh **C** cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị **H** nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Anh **C** đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **C** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị **H** và anh **C** cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy việc chị **H** yêu cầu ly hôn anh **C** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **Phạm Quang V**, sinh ngày 20/7/2011 hiện con đang sống chung với chị **H** và anh **C**.

Xét thấy: Cháu **V** từ khi sinh ra cho đến nay đã sống chung với chị **H** có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu **V** trong sinh hoạt và học tập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu **V** cho chị **H** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu **V** cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **V**. Anh **C** được quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Dũng C.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Nguyễn Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phạm Quang V, sinh ngày 20/7/2011. Hiện cháu V đang sống chung với chị H và anh C.

Anh Phạm Dũng C có trách nhiệm giao con tên Phạm Quang V cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Phạm Dũng C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên không xem xét, giải quyết.

- Anh Phạm Dũng C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về lý hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị **H** đã nộp ngày 27/10/2023 theo biên lai thu số 0001574 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thanh Thùy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Thùy